

Số: 1561 /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 4 tháng 9 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh EPT-UTDM**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/09/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế quản lý bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp chứng chỉ tiếng Anh EPT-UTDM cho 114 sinh viên bậc Cao đẳng (danh sách kèm theo) đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra tiếng Anh EPT-UTDM do Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức vào ngày 28 tháng 08 năm 2016.

**Điều 2.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Hành chính, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- HT, các PHT;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, Phòng Đào tạo.

**HIỆU TRƯỞNG**



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

## DANH SÁCH

Học viên được công nhận cấp chứng chỉ tiếng Anh EPT-UTDM (Cao đẳng)

(Kèm theo Quyết định số: 156/QĐ-ĐHTDM ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

| STT | MSSV          | HỌ                 | TÊN   | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | PHÁI | LỚP     | KHOA         | HỆ | ĐIỂM |     |      |     | TỔNG | KẾT QUẢ | VTEP  | CEFR | GHI CHÚ |
|-----|---------------|--------------------|-------|------------|------------|------|---------|--------------|----|------|-----|------|-----|------|---------|-------|------|---------|
|     |               |                    |       |            |            |      |         |              |    | NGHE | ĐỌC | VIẾT | NÓI |      |         |       |      |         |
| 1   | 1411402020002 | NGUYỄN THỊ TRÂM    | ANH   | 17/07/1995 | TP. HCM    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 49   | 51  | 56   | 50  | 52   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 2   | 1411402010003 | ĐỖ THỊ TUẤN        | ANH   | 26/01/1994 | Yên Bái    | Nữ   | C14MN01 | Sư Phạm      | CĐ | 30   | 32  | 26   | 55  | 36   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 3   | 1411402090008 | TRỊNH HUY          | CÂN   | 16/02/1996 | Bình Dương | Nam  | C14TO01 | KHTN         | CĐ | 44   | 39  | 35   | 37  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 4   | 1411402130074 | VƯƠNG TÚ           | CHÂU  | 04/07/1994 | Sông Bé    | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 27   | 54  | 50   | 30  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 5   | 1411402020005 | NGUYỄN HỒ PHƯƠNG   | CHI   | 24/03/1995 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 41   | 40  | 36   | 25  | 36   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 6   | 1315103010009 | TRƯƠNG HỮU         | ĐANG  | 28/08/1995 | Bình Dương | Nam  | C13DTCN | Điện-Điện tử | CĐ | 38   | 41  | 24   | 35  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 7   | 1411402090150 | LÊ HỮU             | DANH  | 02/03/1996 | Bình Dương | Nam  | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 35   | 56  | 58   | 45  | 49   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 8   | 1411402130114 | GIANG THÀNH        | DANH  | 20/01/1996 | Bình Dương | Nam  | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 30   | 42  | 32   | 40  | 36   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 9   | 1411402090012 | NGUYỄN THỊ         | DIỄM  | 23/04/1992 | Quảng Nam  | Nữ   | C14TO01 | KHTN         | CĐ | 34   | 57  | 40   | 35  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 10  | 1411402110008 | BÙI NGỌC           | DIỆU  | 06/10/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 33   | 56  | 36   | 40  | 41   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 11  | 1411402090142 | NGUYỄN THỊNH PHƯỚC | ĐỨC   | 14/10/1996 | Bình Dương | Nam  | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 46   | 57  | 44   | 40  | 47   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 12  | 1511402110141 | NGUYỄN THỊ NGỌC    | DUNG  | 07/10/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15VL03 | KHTN         | CĐ | 39   | 53  | 57   | 30  | 45   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 13  | 1411402110038 | NGUYỄN NGỌC        | DUNG  | 04/06/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 43   | 61  | 32   | 40  | 44   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 14  | 1411402090209 | PHAN NGỌC THÙY     | DUNG  | 01/03/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 45   | 67  | 53   | 40  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 15  | 1311402090009 | NGUYỄN MINH        | DŨNG  | 27/05/1995 | Bình Dương | Nam  | C13TO01 | KHTN         | CĐ | 38   | 43  | 20   | 40  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 16  | 1411402110045 | PHẠM THỊ THÙY      | DƯƠNG | 02/01/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 32   | 46  | 52   | 43  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 17  | 1411402020006 | HỒ THỊ THÙY        | DƯƠNG | 13/12/1996 | Tây Ninh   | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 36   | 38  | 36   | 43  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 18  | 1315101030023 | NGUYỄN THỊ MỸ      | DUYÊN | 27/03/1993 | Bình Dương | Nữ   | C13XD01 | Xây Dựng     | CĐ | 40   | 34  | 26   | 38  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 19  | 1411402010072 | LƯU HOÀNG          | DUYÊN | 04/12/1996 | Bình Thuận | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm      | CĐ | 29   | 33  | 44   | 60  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 20  | 1511402110079 | NGUYỄN THỊ HẠNH    | DUYÊN | 24/08/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15VL02 | KHTN         | CĐ | 37   | 43  | 46   | 40  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 21  | 111C760010    | NGUYỄN THỊ         | HÀ    | 10/03/1990 | Bình Dương | Nữ   | C11KT01 | Kinh Tế      | CĐ | 42   | 42  | 40   | 30  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |

| STT | MSSV          | HỌ                      | TÊN   | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | PHÁI | LỚP     | KHOA         | HỆ | ĐIỂM |     |      |     | TỔNG | KẾT QUẢ | VTEP  | CEFR | GHI CHÚ |
|-----|---------------|-------------------------|-------|------------|------------|------|---------|--------------|----|------|-----|------|-----|------|---------|-------|------|---------|
|     |               |                         |       |            |            |      |         |              |    | NGHE | ĐỌC | VIẾT | NÓI |      |         |       |      |         |
| 22  | 1411402110043 | LÊ THỊ THANH            | HÀ    | 18/09/1995 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 36   | 28  | 42   | 45  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 23  | 1411402090161 | TRẦN THỊ                | HÀ    | 02/07/1994 | Gia Lai    | Nữ   | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 26   | 32  | 43   | 45  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 24  | 1411402020152 | ĐỖ TRỌNG                | HẢI   | 07/08/1995 | Bình Định  | Nam  | C14TH03 | Sư Phạm      | CĐ | 40   | 45  | 51   | 50  | 47   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 25  | 1411402010068 | LÊ THỊ THANH            | HĂNG  | 07/08/1995 | Bình Thuận | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm      | CĐ | 40   | 53  | 45   | 65  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 26  | 1411402130009 | TRẦN THỊ THANH          | HĂNG  | 28/06/1995 | Bình Dương | Nữ   | C14SH01 | Môi Trường   | CĐ | 37   | 43  | 44   | 65  | 47   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 27  | 1311402090017 | NGUYỄN THỊ HỒNG         | HẠNH  | 12/07/1995 | Bình Dương | Nữ   | C13TO01 | KHTN         | CĐ | 31   | 42  | 33   | 50  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 28  | 1311402190027 | PHẠM THỊ NGỌC           | HẠNH  | 04/12/1995 | Bình Phước | Nữ   | C13DL01 | Lịch Sử      | CĐ | 31   | 45  | 37   | 50  | 41   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 29  | 1411402010070 | PHAN THỊ MỸ             | HẢO   | 20/11/1996 | Gia Lai    | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm      | CĐ | 40   | 46  | 32   | 50  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 30  | 1311402090020 | LƯU THỊ YẾN             | HÒA   | 24/06/1995 | Bình Phước | Nữ   | C13TO01 | KHTN         | CĐ | 35   | 45  | 32   | 40  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 31  | 1411402020021 | ĐINH THỊ                | HOÀI  | 25/01/1995 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 35   | 37  | 35   | 45  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 32  | 1411402020023 | HUỖNH HUY               | HOÀNG | 08/08/1994 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 46   | 50  | 39   | 35  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 33  | 1411402130091 | NGUYỄN THỊ              | HÔNG  | 18/05/1995 | Bình Thuận | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 42   | 57  | 40   | 55  | 49   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 34  | 1411402110012 | HỒ THỊ TUYẾT            | HÔNG  | 13/09/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 36   | 44  | 36   | 55  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 35  | 1411402020024 | ĐINH THỊ                | HUỆ   | 30/10/1995 | Lâm Đồng   | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 39   | 51  | 40   | 45  | 44   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 36  | 1411402020015 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH       | HƯƠNG | 28/05/1996 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 36   | 28  | 44   | 50  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 37  | 1411402020016 | TRẦN THỊ THU            | HƯƠNG | 10/12/1996 | Thanh Hóa  | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 37   | 49  | 66   | 20  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 38  | 1511402130129 | ĐỖ QUỲNH                | HƯƠNG | 27/02/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15SH03 | Môi Trường   | CĐ | 29   | 35  | 44   | 35  | 36   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 39  | 1315103010046 | NGÔ HOÀNG               | LÂM   | 16/09/1995 | Đồng Nai   | Nam  | C13DTTD | Điện-Điện tử | CĐ | 43   | 58  | 50   | 44  | 49   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 40  | 1411402090033 | CÔ THIÊN                | LÂM   | 15/10/1994 | Bình Dương | Nam  | C14TO01 | KHTN         | CĐ | 32   | 54  | 34   | 35  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 41  | 1411402090155 | HÀ THỊ                  | LAN   | 07/06/1995 | Thanh Hóa  | Nữ   | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 32   | 41  | 43   | 40  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 42  | 1411402130131 | NGUYỄN THỊ MỸ           | LINH  | 19/09/1996 | Bình Thuận | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 33   | 46  | 38   | 40  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 43  | 1411402090160 | THÁI HỒNG TIÊU          | LINH  | 25/08/1996 | Đồng Nai   | Nữ   | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 66   | 66  | 55   | 45  | 58   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 44  | 1411402010046 | NGÔ NGỌC PHƯƠNG         | LOAN  | 14/03/1996 | Bình Thuận | Nữ   | C14MN01 | Sư Phạm      | CĐ | 35   | 41  | 24   | 40  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 45  | 1411402090038 | NGUYỄN THỊ              | LỢI   | 21/05/1991 | Nghệ An    | Nữ   | C14TO01 | KHTN         | CĐ | 35   | 47  | 41   | 55  | 45   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 46  | 1411402090182 | LÝ THÀNH                | LONG  | 03/11/1995 | Tiền Giang | Nam  | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 33   | 37  | 38   | 30  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 47  | 1411402090157 | NGUYỄN THỊ              | MAI   | 02/05/1996 | Thanh Hóa  | Nữ   | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 42   | 55  | 31   | 40  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 48  | 1311402090037 | NGUYỄN THỊ THU HẰNG CẨM | MY    | 01/01/1995 | Bình Dương | Nữ   | C13TO01 | KHTN         | CĐ | 35   | 32  | 43   | 30  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 49  | 1411402110089 | HUỖNH THỊ THÚY          | NGA   | 25/10/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15VL02 | KHTN         | CĐ | 42   | 68  | 82   | 60  | 63   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |

| STT | MSSV          | HỌ               | TÊN    | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | PHÁI | LỚP     | KHOA       | HỆ | ĐIỂM |     |      |     | TỔNG | KẾT QUẢ | VTEP  | CEFR | GHI CHÚ |
|-----|---------------|------------------|--------|------------|----------------|------|---------|------------|----|------|-----|------|-----|------|---------|-------|------|---------|
|     |               |                  |        |            |                |      |         |            |    | NGHE | ĐỌC | VIẾT | NÓI |      |         |       |      |         |
| 50  | 1411402130140 | TRẦN THỊ QUỲNH   | NGA    | 30/08/1996 | Đắk Lắk        | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường | CĐ | 38   | 43  | 35   | 30  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 51  | 1411402110042 | NGUYỄN THIÊN     | NGỌC   | 10/04/1996 | TP. HCM        | Nữ   | C14VL01 | KHTN       | CĐ | 28   | 52  | 72   | 55  | 52   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 52  | 1311402090043 | BÙI THỊ KIM      | NGỌC   | 1995       | Bình Dương     | Nữ   | C13TO01 | KHTN       | CĐ | 41   | 38  | 37   | 25  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 53  | 1411402110018 | NGUYỄN THỊ MỸ    | NGỌC   | 27/05/1995 | Bình Dương     | Nữ   | C14VL01 | KHTN       | CĐ | 28   | 39  | 44   | 35  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 54  | 1313403010061 | NGUYỄN THỊ KIM   | NGUYỄN | 17/10/1995 | Bình Dương     | Nữ   | C13KT02 | Kinh Tế    | CĐ | 31   | 39  | 39   | 35  | 36   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 55  | 1411402090156 | TRẦN MINH        | NHÂN   | 01/10/1996 | Bình Dương     | Nam  | C14TO03 | KHTN       | CĐ | 33   | 43  | 34   | 40  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 56  | 1411402010060 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | NHIÊN  | 05/09/1996 | Long An        | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm    | CĐ | 39   | 59  | 64   | 70  | 58   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 57  | 1413403010162 | PHAN THỊ QUỲNH   | NHƯ    | 10/08/1996 | Đắk Lắk        | Nữ   | C14KT02 | Kinh Tế    | CĐ | 34   | 35  | 42   | 35  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 58  | 1311402090047 | NGUYỄN THỊ HUỖNH | NHƯ    | 26/05/1995 | Tây Ninh       | Nữ   | C13TO01 | KHTN       | CĐ | 37   | 28  | 52   | 35  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 59  | 1313403010063 | NGUYỄN HUỖNH     | NHƯ    | 27/09/1995 | Bình Dương     | Nữ   | C13KT02 | Kinh Tế    | CĐ | 36   | 45  | 46   | 75  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 60  | 1411402020042 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | NHƯ    | 18/09/1996 | TP. HCM        | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm    | CĐ | 48   | 41  | 56   | 60  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 61  | 1411402110036 | VŨ THỊ           | OANH   | 07/09/1996 | Nam Định       | Nữ   | C14VL01 | KHTN       | CĐ | 42   | 37  | 65   | 45  | 47   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 62  | 1411402090056 | NGUYỄN TÂN       | PHÁT   | 01/01/1994 | TP. HCM        | Nam  | C14TO01 | KHTN       | CĐ | 38   | 48  | 41   | 35  | 41   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 63  | 1411402090159 | TRẦN TRUNG       | PHI    | 29/11/1995 | Bình Dương     | Nam  | C14TO03 | KHTN       | CĐ | 45   | 66  | 31   | 45  | 47   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 64  | 1511402090105 | THÁI NGỌC        | PHỤNG  | 27/08/1996 | TP. HCM        | Nữ   | C15TO03 | KHTN       | CĐ | 42   | 45  | 25   | 35  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 65  | 1411402090146 | TRẦN HỮU         | PHƯƠNG | 23/12/1996 | Bình Dương     | Nam  | C14TO03 | KHTN       | CĐ | 40   | 37  | 21   | 40  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 66  | 1411402110092 | VŨ NỮ XUÂN       | QUỲNH  | 08/06/1996 | Nghệ An        | Nữ   | C14VL02 | KHTN       | CĐ | 54   | 56  | 36   | 46  | 48   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 67  | 111C760041    | NGUYỄN NGỌC LAM  | QUỲNH  | 04/10/1993 | Sông Bé        | Nữ   | C11KT01 | Kinh Tế    | CĐ | 37   | 45  | 32   | 55  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 68  | 1411402090134 | NGUYỄN THỦY NHƯ  | QUỲNH  | 05/06/1996 | Bình Dương     | Nữ   | C14TO02 | KHTN       | CĐ | 43   | 53  | 51   | 55  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 69  | 1210910099    | NGUYỄN TÂN       | TÀI    | 12/11/1994 | Bình Dương     | Nam  | C12TO02 | KHTN       | CĐ | 34   | 50  | 24   | 30  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 70  | 1411402090149 | TRẦN TÂN         | TÀI    | 30/08/1996 | Bình Dương     | Nam  | C14TO03 | KHTN       | CĐ | 44   | 66  | 45   | 35  | 48   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 71  | 1411402130122 | NGUYỄN PHƯƠNG    | TÂM    | 12/07/1996 | Quảng Ngãi     | Nam  | C14SH02 | Môi Trường | CĐ | 40   | 44  | 20   | 35  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 72  | 1413403010151 | HUỖNH THỊ VIỆT   | TÂM    | 21/08/1996 | Thừa Thiên Huế | Nữ   | C14KT02 | Kinh Tế    | CĐ | 37   | 42  | 34   | 25  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 73  | 1411402130070 | TRẦN BẢO         | TÂM    | 07/11/1996 | Bình Dương     | Nam  | C14SH02 | Môi Trường | CĐ | 47   | 66  | 58   | 65  | 59   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 74  | 1210320108    | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG | TÂM    | 24/11/1994 | Bình Dương     | Nam  | C12XD01 | Xây Dựng   | CĐ | 30   | 39  | 44   | 25  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 75  | 1411402190022 | BÙI THANH        | TÂM    | 29/10/1996 | Bình Dương     | Nữ   | C14DL01 | Lịch Sử    | CĐ | 29   | 44  | 28   | 50  | 38   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 76  | 1411402090141 | LÝ THÀNH         | TÂM    | 05/01/1996 | Bình Dương     | Nam  | C14TO03 | KHTN       | CĐ | 44   | 70  | 46   | 60  | 55   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 77  | 1411402090073 | TRẦN VĂN         | THA    | 28/03/1996 | Sông Bé        | Nam  | C14TO02 | KHTN       | CĐ | 39   | 40  | 45   | 45  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |

| STT | MSSV          | HỌ              | TÊN    | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | PHÁI | LỚP     | KHOA         | HỆ | ĐIỂM |     |      |     | TỔNG | KẾT QUẢ | VTEP  | CEFR | GHI CHÚ |
|-----|---------------|-----------------|--------|------------|------------|------|---------|--------------|----|------|-----|------|-----|------|---------|-------|------|---------|
|     |               |                 |        |            |            |      |         |              |    | NGHE | ĐỌC | VIẾT | NÓI |      |         |       |      |         |
| 78  | 1411402020080 | NGUYỄN THỊ      | THẨM   | 15/05/1996 | Bắc Giang  | Nữ   | C14TH02 | Sư Phạm      | CĐ | 31   | 24  | 46   | 40  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 79  | 1411402020054 | NGUYỄN THANH    | THANH  | 19/12/1995 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 44   | 56  | 52   | 60  | 53   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 80  | 1411402090074 | PHẠM THỊ NGỌC   | THANH  | 14/08/1994 | Biên Hòa   | Nữ   | C14TO02 | KHTN         | CĐ | 47   | 65  | 59   | 35  | 52   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 81  | 1411402090071 | NGUYỄN THỊ THU  | THẢO   | 28/06/1996 | Tây Ninh   | Nữ   | C14TO02 | KHTN         | CĐ | 38   | 51  | 47   | 33  | 42   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 82  | 1411402090070 | HUỖNH HƯƠNG     | THẢO   | 01/06/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TO01 | KHTN         | CĐ | 42   | 64  | 54   | 40  | 50   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 83  | 1511402110049 | MAI THỊ         | THẢO   | 12/10/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15VL02 | KHTN         | CĐ | 52   | 41  | 27   | 50  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 84  | 1411402020055 | ĐÀO THỊ HOÀNG   | THỊ    | 14/02/1995 | Sông Bé    | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 34   | 48  | 28   | 50  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 85  | 1315103010005 | NGUYỄN TRUNG    | THỊNH  | 09/05/1995 | Bình Phước | Nam  | C13DTTD | Điện-Điện tử | CĐ | 38   | 44  | 29   | 35  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 86  | 1210910117    | TRỊNH TRƯỜNG    | THỊNH  | 20/07/1990 | Đồng Nai   | Nam  | C12TO02 | KHTN         | CĐ | 42   | 45  | 43   | 41  | 43   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 87  | 1411402020124 | VŨ THỊ          | THƠM   | 28/10/1996 | Nam Định   | Nữ   | C14TH02 | Sư Phạm      | CĐ | 40   | 42  | 60   | 40  | 46   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 88  | 1411402020058 | TRẦN THỊ CẨM    | THU    | 06/11/1995 | Tây Ninh   | Nữ   | C14TH01 | Sư Phạm      | CĐ | 36   | 54  | 73   | 30  | 48   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 89  | 1411402130069 | PHẠM HÀ ANH     | THƯ    | 15/12/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14SH01 | Môi Trường   | CĐ | 37   | 40  | 39   | 30  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 90  | 1411402020169 | HOÀNG THỊ ANH   | THƯ    | 12/05/1995 | Lâm Đồng   | Nữ   | C14TH03 | Sư Phạm      | CĐ | 40   | 37  | 34   | 50  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 91  | 1511402110059 | NGUYỄN THỊ MỸ   | THUẬN  | 19/11/1997 | Bình Dương | Nữ   | C15VL02 | KHTN         | CĐ | 44   | 55  | 77   | 45  | 55   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 92  | 1411402130130 | TRỊNH THỊ HOÀI  | THƯƠNG | 08/11/1995 | Sông Bé    | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 40   | 48  | 67   | 50  | 51   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 93  | 1411402130094 | VÕ MAI          | THY    | 05/10/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 31   | 52  | 27   | 30  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 94  | 1411402090081 | NGUYỄN THỊ THỦY | TIỀN   | 11/02/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TO02 | KHTN         | CĐ | 45   | 50  | 27   | 40  | 41   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 95  | 1411402090082 | PHAN THỊ THANH  | TIẾN   | 12/08/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TO02 | KHTN         | CĐ | 42   | 42  | 37   | 40  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 96  | 1411402110040 | LÊ TRUNG        | TÍNH   | 24/02/1996 | Bình Dương | Nam  | C14VL01 | KHTN         | CĐ | 61   | 45  | 45   | 50  | 50   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 97  | 1411402020064 | NGUYỄN THANH    | TRÀ    | 07/07/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TH02 | Sư Phạm      | CĐ | 28   | 43  | 46   | 30  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 98  | 1411402130083 | DƯƠNG THỊ MAI   | TRÂM   | 26/12/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 42   | 57  | 38   | 40  | 44   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 99  | 1411402130104 | LÊ THỊ          | TRANG  | 07/11/1996 | Vĩnh Phúc  | Nữ   | C14SH02 | Môi Trường   | CĐ | 31   | 40  | 25   | 45  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 100 | 1411402020065 | CAO THỊ HUYỀN   | TRANG  | 07/10/1994 | Thanh Hóa  | Nữ   | C14TH02 | Sư Phạm      | CĐ | 36   | 44  | 40   | 40  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 101 | 1411402090138 | NGUYỄN THỊ KIM  | TRANG  | 31/10/1995 | Bình Thuận | Nữ   | C14TH03 | KHTN         | CĐ | 48   | 54  | 30   | 45  | 44   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 102 | 1411402010087 | HUỖNH THỊ THÚY  | TRANG  | 26/10/1995 | Đắk Nông   | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm      | CĐ | 42   | 44  | 49   | 45  | 45   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 103 | 1411402010165 | ĐẶNG THỊ THỦY   | TRANG  | 16/03/1995 | Quảng Bình | Nữ   | C14MN03 | Sư Phạm      | CĐ | 34   | 36  | 23   | 45  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 104 | 1313403010107 | NGUYỄN THỊ KIM  | TRONG  | 25/10/1995 | Bình Dương | Nữ   | C13KT02 | Kinh Tế      | CĐ | 31   | 51  | 22   | 43  | 37   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 105 | 1411402090210 | NGUYỄN PHI      | TRƯỜNG | 28/11/1996 | Sông Bé    | Nam  | C14TO03 | KHTN         | CĐ | 46   | 46  | 35   | 38  | 41   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |

| STT | MSSV          | HỌ TÊN               | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | PHÁI | LỚP     | KHOA    | HỆ | ĐIỂM |     |      |     | TỔNG | KẾT QUẢ | VTEP  | CEFR | GHI CHÚ |
|-----|---------------|----------------------|------------|------------|------|---------|---------|----|------|-----|------|-----|------|---------|-------|------|---------|
|     |               |                      |            |            |      |         |         |    | NGHE | ĐỌC | VIẾT | NÓI |      |         |       |      |         |
| 106 | 1411402110028 | NGUYỄN HỮU TÙNG      | 01/05/1994 | Thanh Hóa  | Nam  | C14VL01 | KHTN    | CD | 36   | 50  | 34   | 40  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 107 | 1311402090082 | NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN | 11/01/1995 | Bình Dương | Nữ   | C13TO01 | KHTN    | CD | 32   | 27  | 49   | 50  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 108 | 1311402110067 | VƯƠNG THANH TUYÊN    | 31/10/1995 | Bình Dương | Nữ   | C13VL01 | KHTN    | CD | 32   | 39  | 42   | 25  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 109 | 1411402110034 | HUỶNH PHƯƠNG UYÊN    | 22/06/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14VL01 | KHTN    | CD | 63   | 57  | 57   | 60  | 59   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 110 | 1411402010090 | LƯU THỊ THÚY VÂN     | 10/10/1996 | Bình Thuận | Nữ   | C14MN02 | Sư Phạm | CD | 28   | 44  | 50   | 35  | 39   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 111 | 1411402190046 | DƯƠNG NGỌC VÀNG      | 03/08/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14DL01 | Lịch Sử | CD | 31   | 28  | 54   | 25  | 35   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 112 | 1411402090207 | HUỶNH THỊ PHƯƠNG VI  | 10/03/1996 | Quảng Ngãi | Nữ   | C14TO03 | KHTN    | CD | 35   | 46  | 48   | 50  | 45   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |
| 113 | 1411402090091 | NGUYỄN THỊ THANH VY  | 30/08/1996 | Bình Dương | Nữ   | C14TO02 | KHTN    | CD | 33   | 30  | 45   | 50  | 40   | ĐẠT     | Bậc 2 | A2   |         |
| 114 | 1411402020078 | VƯƠNG HẢI YẾN        | 24/10/1995 | Cao Bằng   | Nữ   | C14TH02 | Sư Phạm | CD | 34   | 52  | 65   | 40  | 48   | ĐẠT     | Bậc 3 | B1   |         |

Tổng danh sách gồm có 114 học viên được cấp chứng chỉ./.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ**

**ThS. Nguyễn Văn Hùng**

Bình Dương, Ngày 14 tháng 9 năm 2016  
**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp**

